

**SỞ Y TẾ THANH HÓA
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 194 /BC-KSBT

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 02 năm 2024

V/v báo cáo và đề nghị đăng tải
công khai giá trúng thầu của vật
tư, hóa chất, sinh phẩm năm 2023
tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: UBND tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ quy định tại Điều 73 Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Công văn số 4364/UBND-CNTT ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc đăng tải công khai giá trúng thầu và danh sách trang thiết bị y tế đã bị thu hồi trên cổng thông tin của tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua hóa chất diệt muỗi thực hiện hoạt động phòng chống sốt rét, hoạt động phòng chống sốt xuất huyết năm 2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-KSBT ngày 13/01/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua hóa chất xét nghiệm huyết học chạy trên máy XS800i, hãng Sysmex, Nhật Bản sử dụng trong quý I/2023;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-KSBT ngày 31/01/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm sử dụng trong quý I/2023;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-KSBT ngày 08/02/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chụp X/Quang tim phổi và hội chẩn phim X/Quang, mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm, thuê xe chở máy móc, vật tư và cán bộ, in sổ khám sức khỏe phát hiện bệnh nghề nghiệp đợt I/2023;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-KSBT ngày 16/3/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua vật tư, hóa chất phục vụ hoạt động dịch vụ sử dụng 12 tháng (năm 2023-2024);

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-KSBT ngày 05/5/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua vật tư, hóa chất xét nghiệm dùng cho máy đếm tế bào CD4 Facs count phục vụ chuyên môn;

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-KSBT ngày 12/7/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm, môi trường xét nghiệm phục vụ hoạt động dịch vụ tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 336/QĐ-KSBT ngày 17/7/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm, y dụng cụ phục vụ hoạt động chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-KSBT ngày 28/8/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm phục vụ xét nghiệm khẳng định HIV thuộc kế hoạch đảm bảo tài chính cho các hoạt động phòng chống HIV/AIDS và đề án thí điểm sàng lọc phát hiện sớm và xử trí ung thư cổ tử cung tại Thanh Hóa năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 502/QĐ-KSBT ngày 29/9/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm, trang thiết bị thuộc các hoạt động, dự án và chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2023 tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-KSBT ngày 27/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Mua vật tư tiêu hao, hóa chất môi trường, dụng cụ phục vụ hoạt động dịch vụ xét nghiệm nước, quan trắc môi trường lao động năm 2024 tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa;

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa đã triển khai lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật với tổng số 16 gói thầu lựa chọn được nhà thầu trúng thầu cụ thể như sau:

1. Gói thầu: Mua hóa chất xét nghiệm huyết học chạy trên máy XS800i, hãng Sysmex, Nhật Bản sử dụng trong quý I/2023

- Tổng số nhà thầu trúng thầu: 01 nhà thầu.
- Tổng số danh mục trúng thầu: 04 danh mục.
- Tổng giá trị trúng thầu: 78.486.450 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tám triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng chẵn).

(Chi tiết danh mục hàng hóa, giá trúng thầu tại phụ lục 1).

2. Gói thầu: Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm sử dụng trong quý I/2023

- Tổng số nhà thầu trúng thầu: 01 nhà thầu.
- Tổng số danh mục trúng thầu: 12 danh mục.
- Tổng giá trị trúng thầu: 55.652.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết danh mục hàng hóa, giá trúng thầu tại phụ lục 2).

3. Gói số 1: Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm phục vụ khám sức khỏe phát hiện bệnh nghề nghiệp

- Tổng số nhà thầu trúng thầu: 01 nhà thầu.
- Tổng số danh mục trúng thầu: 11 danh mục.
- Tổng giá trị trúng thầu: 54.582.500 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tư triệu năm trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng chẵn).

(Chi tiết danh mục hàng hóa, giá trúng thầu tại phụ lục 3).

4. Gói số 2: Mua hóa chất sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm huyết học RT-7600, hãng Rayto, Trung Quốc phục vụ khám sức khỏe phát hiện bệnh nghề nghiệp

- Tổng số nhà thầu trúng thầu: 01 nhà thầu.
- Tổng số danh mục trúng thầu: 04 danh mục.
- Tổng giá trị trúng thầu: 89.915.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi chín triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết danh mục hàng hóa, giá trúng thầu tại phụ lục 4).

5. Gói số 1: Mua hóa chất xét nghiệm sử dụng tương thích với máy xét nghiệm huyết học XS800i, hãng Sysmex, Nhật Bản

- Tổng số nhà thầu trúng thầu: 01 nhà thầu.
- Tổng số danh mục trúng thầu: 05 danh mục.
- Tổng giá trị trúng thầu: 129.179.120 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi chín triệu một trăm bảy mươi chín nghìn một trăm hai mươi đồng chẵn).

(Chi tiết danh mục hàng hóa, giá trúng thầu tại phụ lục 5).

6. Gói số 2: Mua hóa chất xét nghiệm sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa Humalyzer 2000

- Tổng số nhà thầu trúng thầu: 01 nhà thầu.
- Tổng số danh mục trúng thầu: 09 danh mục.
- Tổng giá trị trúng thầu: 22.180.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết danh mục hàng hóa, giá trúng thầu tại phụ lục 6).

7. Gói số 3: Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm phục vụ hoạt động khám chữa bệnh

- Tổng số nhà thầu trúng thầu: 01 nhà thầu.
- Tổng số danh mục trúng thầu: 18 danh mục.
- Tổng giá trị trúng thầu: 119.979.320 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười chín triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm hai mươi đồng chẵn).

(Chi tiết danh mục hàng hóa, giá trúng thầu tại phụ lục 7).

8. Gói thầu: Mua vật tư, hóa chất phục vụ hoạt động dịch vụ sử dụng 12 tháng (năm 2023-2024)

- Tổng số nhà thầu trúng thầu: 01 nhà thầu.

- Tổng số danh mục trúng thầu: 01 danh mục.
- Tổng giá trị trúng thầu: 65.100.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết danh mục hàng hóa, giá trúng thầu tại phụ lục 8).

9. Gói thầu: Mua vật tư, hóa chất xét nghiệm dùng cho máy đếm tế bào CD4 Facs count phục vụ chuyên môn

- Tổng số nhà thầu trúng thầu: 01 nhà thầu.
- Tổng số danh mục trúng thầu: 05 danh mục.
- Tổng giá trị trúng thầu: 51.532.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi một triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết danh mục hàng hóa, giá trúng thầu tại phụ lục 9).

10. Gói thầu: Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm, y dụng cụ phục vụ hoạt động chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa

- Tổng số nhà thầu trúng thầu: 01 nhà thầu.
- Tổng số danh mục trúng thầu: 12 danh mục.
- Tổng giá trị trúng thầu: 51.145.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi một triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết danh mục hàng hóa, giá trúng thầu tại phụ lục 10).

11. Gói thầu: Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm phục vụ xét nghiệm kháng định HIV thuộc kế hoạch đảm bảo tài chính cho các hoạt động phòng chống HIV/AIDS và đề án thí điểm sàng lọc phát hiện sớm và xử trí ung thư cổ tử cung tại Thanh Hóa năm 2023

- Tổng số nhà thầu trúng thầu: 01 nhà thầu.
- Tổng số danh mục trúng thầu: 10 danh mục.
- Tổng giá trị trúng thầu: 86.219.200 đồng (Bằng chữ: Tám mươi sáu triệu hai trăm mười chín nghìn hai trăm đồng chẵn).

(Chi tiết danh mục hàng hóa, giá trúng thầu tại phụ lục 11).

12. Gói số 1. Mua sinh phẩm xét nghiệm Elisa

- Tổng số nhà thầu trúng thầu: 01 nhà thầu.
- Tổng số danh mục trúng thầu: 06 danh mục.
- Tổng giá trị trúng thầu: 149.725.920 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi đồng chẵn).

(Chi tiết danh mục hàng hóa, giá trúng thầu tại phụ lục 12).

13. Gói số 2. Mua vật tư, hóa chất, kháng huyết thanh tả, dụng cụ dùng cho các dự án, chương trình

- Tổng số nhà thầu trúng thầu: 01 nhà thầu.
- Tổng số danh mục trúng thầu: 11 danh mục.
- Tổng giá trị trúng thầu: 52.068.868 đồng (Bằng chữ: Năm mươi hai triệu không trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm sáu tám đồng chẵn).

(Chi tiết danh mục hàng hóa, giá trúng thầu tại phụ lục 13).

14. Gói số 3. Mua vật tư tiêm chủng mở rộng và phòng chống dịch

- Tổng số nhà thầu trúng thầu: 01 nhà thầu.
- Tổng số danh mục trúng thầu: 02 danh mục.
- Tổng giá trị trúng thầu: 128.242.500 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng chẵn).

(Chi tiết danh mục hàng hóa, giá trúng thầu tại phụ lục 14).

15. Gói thầu: Mua hóa chất diệt muỗi thực hiện hoạt động phòng chống sốt rét, hoạt động phòng chống sốt xuất huyết năm 2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa

- Tổng số nhà thầu trúng thầu: 01 nhà thầu.
- Tổng số danh mục trúng thầu: 01 danh mục.
- Tổng giá trị trúng thầu: 259.790.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi chín triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết danh mục hàng hóa, giá trúng thầu tại phụ lục 15).

16. Gói số 4: Mua hóa chất sử dụng cho bộ phận hóa phân tích

- Tổng số nhà thầu trúng thầu: 02 nhà thầu.
- Tổng số danh mục trúng thầu: 24 danh mục.
- Tổng giá trị trúng thầu: 43.728.290 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn hai trăm chín mươi đồng chẵn).

(Chi tiết danh mục hàng hóa, giá trúng thầu tại phụ lục 16).

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu năm 2023 và kính đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa công khai kết quả lựa chọn nhà thầu trên cổng thông tin điện tử UBND tỉnh theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, DVTYT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Trường Sơn

Phụ lục 1

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, SỐ LƯỢNG GIÁ TRÚNG THẦU CỦA HÀNG HÓA THUỘC GÓI THẦU: MUA HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC CHẠY TRÊN MÁY XS800I, HÃNG SYSMEX, NHẬT BẢN SỬ DỤNG TRONG QUÝ I/2023

(Kèm theo báo cáo số /BC-KSBT ngày 29/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên hàng hóa trúng thầu	Tên thương mại của hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quý cách đóng gói	Cơ sở/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
1	Hóa chất pha loãng Cellpack (PK-30L)/P8840 8711	Hóa chất pha loãng Cellpack (PK-30L)/P8840 8712	Dung dịch dùng để pha loãng máu toàn phần sử dụng cho máy huyết học - Bảo quản: ở 1-30 độ C - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 30 ngày. Sodium Chlorride 6,38 g/l. Boric Acid 1 g/l, Sodium Tetraborate 0,2 g/l, EDTA-2K 0,2 g/l. Tiêu chuẩn ISO 13485	Thùng 20 lít	Sysmex/ Singapore	ml	160,000	152.25	24,360,000	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kỹ thuật Tâm Việt	Quyết định số 35/QĐ-KSBT ngày 01/02/2023 của Trung tâm KSBT tỉnh Thanh Hóa về việc chỉ định đơn vị thực	Quyết định số 23/QĐ-KSBT ngày 13/01/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế

2	Dung dịch ly giải để đo các thành phần bạch cầu Stromatolys er-4DL/P98417 615	Dung dịch ly giải để đo các thành phần bạch cầu Stromatoly ser-4DL/P9841 7616	Dung dịch ly giải hồng cầu giúp xác định chính xác các thành phần bạch cầu - Bảo quản: ở 2-35 độ C - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày. Thành phần: Nonionic surfactant 0.18%, Organic quaternary ammonium salts 0.08% Tiêu chuẩn ISO 13485	Thùng 5 lít	Sysmex/ Singapore	ml	10,000	2,870.70	28,707,000	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kỹ thuật Tâm Việt	hiện gói thầu Mua hóa chất xét nghiệm huyết học chạy trên máy XS800i, hãng Sysmex, Nhật Bản sử dụng trong quý I/2023	hoạch lựa chọn nhà thầu mua hóa chất xét nghiệm huyết học chạy trên máy XS800i, hãng Sysmex, Nhật Bản sử dụng trong quý I/2023
3	Dung dịch nhuộm thành phần bạch cầu Stromatolys er-4DS/P98417 216	Dung dịch nhuộm thành phần bạch cầu Stromatoly ser-4DS/P9841 7217	Dung dịch nhuộm tế bào bạch cầu, giúp đếm chính xác các thành phần bạch cầu - Bảo quản: ở 2-35 độ C - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày. Thành phần: Polymethin dye 0.002%, Methanol 3%, In ethylene glycol 96.9%. Tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp 3x42m l	Sysmex/ Singapore	ml	126	143,016.67	18,020,100	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kỹ thuật Tâm Việt		

4	Dung dịch ly giải xác định nồng độ hemoglobin Sulfolyser (5L) (SLS-220A)/P904 11414	Dung dịch ly giải xác định nồng độ hemoglobin Sulfolyser (5L) (SLS-220A)/P90 411415	Hóa chất ly giải hồng cầu nhằm xác định nồng độ huyết sắc tố trong mẫu - Bảo quản: ở 2-30 độ C - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày. Thành phần: Sodium Lauryl Sulfate 1.7 g/l. Sulfolyser là hóa chất sạch không có Cyanide, độc tố thấp, hemoglobin được đo dựa trên phương pháp mới được phát triển SLS-Hb. Tiêu chuẩn ISO 13485	Thùng 5 lít	Sysmex/ Singapore	ml	5,000	1,479.87	7,399,350	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kỹ thuật Tâm Việt		
Tổng cộng: 04 danh mục									78,486,450			
Viết bằng chữ: Bảy mươi tám triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng chẵn./.												

Phụ lục 2

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, SỐ LƯỢNG GIÁ TRÚNG THẦU CỦA HÀNG HÓA THUỘC GÓI THẦU: MUA VẬT TƯ, HÓA CHẤT, SINH PHẨM SỬ DỤNG TRONG QUÝ I/2023

(Kèm theo báo cáo số /BC-KSBT ngày 29/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên hàng hóa trúng thầu	Tên thương mại của hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quý cách đóng gói	Cơ sở/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
1	Test ma túy 4 chỉ số AMP-THC-MOP-MET	Test ma túy 4 chỉ số AMP-THC-MOP-MET	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện + Morphine: 300 ng/ml + Amphetamine: 1000 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6% Bảo quản nhiệt độ 8-30 độ C. Hạn dùng 24 tháng, kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016. Có giấy chứng nhận COA từ nhà sản xuất	15 test/ hộp	Amvi Biotech/ Việt Nam	Test	50	56,500	2,825,000	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh	Quyết định số 47/QĐ-KSBT ngày 09/02/2023 của Trung tâm KSBT tỉnh Thanh Hóa về việc chỉ định đơn vị thực hiện gói thầu Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm sử dụng trong quý I/2023	Quyết định số 33/QĐ-KSBT ngày 31/01/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm sử dụng trong quý I/2023
2	Test HCG mẫu thử: nước tiểu, huyết thanh	Test HCG mẫu thử: nước tiểu, huyết thanh	Vùng cộng hợp: cộng hợp vàng kháng thể kháng hCG. IgY-gà; Vạch kết quả: kháng thể kháng hCG; Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgY-gà	50 test/ hộp	CTK	Test	200	6,500	1,300,000	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh		
3	Gel siêu âm	Gel siêu âm	Gel bôi trơn gốc nước được dùng trong siêu âm chẩn đoán y khoa	can 5 lít/ thùng 04 can	Biotech/ Mỹ	Lít	20	18,000	360,000	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh		

4	Ống nghiệm thủy tinh	Ống nghiệm thủy tinh 16x160mm	Chất liệu: Thủy tinh. Kích thước: size Ø 16mm – chiều dài 160mm – độ dày 0.8mm	100 cái/túi	Merufa/ Việt Nam	Ống	3,000	2,350	7,050,000	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh
5	Ống nghiệm thủy tinh	Ống nghiệm thủy tinh 18x180mm	Chất liệu: Thủy tinh. Kích thước: size Ø 18mm – chiều dài 180mm – độ dày 0.8mm	100 cái/túi	Lương Tâm, Việt Nam	Ống	3,000	2,550	7,650,000	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh
6	Ống Durham	Ống Durham	Chất liệu thủy tinh, trong suốt, dài 2,5cm, đường kính trong lòng ống 3,5mm, thành ống dày 0,5mm, đáy trong bằng, đáy ngoài hình cầu lõi	túi	Việt Nam	Kg	5	2,150,000	10,750,000	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh
7	Găng tay phẫu thuật chưa tiết trùng	Găng tay phẫu thuật chưa tiết trùng	Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng...), chưa tiết trùng. Găng loại có phủ bột và không bột, bề mặt nhẵn hoặc nhám	100 đôi/hộp; 600 đôi/thùng	Merufa/ Việt Nam	Đôi	1,200	3,950	4,740,000	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh
8	Găng kiểm tra dùng trong y tế các cỡ	Găng kiểm tra dùng trong y tế các cỡ	Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên, chưa tiết trùng, chỉ sử dụng 1 lần và thuận cả 2 tay. Bề mặt nhẵn toàn bộ bên ngoài găng hoặc nhám ngón, có phủ bột, chiều dài 220mm -240mm (theo size)	50 đôi/hộp; 500 đôi/thùng	Merufa/ Việt Nam	Đôi	8,000	1,139	9,112,000	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh
9	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Ethanol 80%, Isopropanol 7.2%, Chlorhexidine gluconat 0.5%	chai 500ml	Việt Nam	Lít	30	64,500	1,935,000	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh
10	Ống nghiệm lấy máu K2 EDTA	Ống nghiệm lấy máu K2 EDTA MPV nắp nhựa	Ống nghiệm nhựa PP. Kích thước 12-13x75 (mm). Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2)	100 ống/ khay; 24 khay/ kiện	MPV/ Việt Nam	Ống	10,000	635	6,350,000	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh
11	Javen	Javen	Chứa trong can màu xanh. Có mùi đặc trưng, Chất lỏng trong hoặc có màu vàng nhạt hàm lượng Clo $\geq 8\%$	can 30 lít	Thuận Phát, Việt Nam	Lít	30	13,500	405,000	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh

Phụ lục 3

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, SỐ LƯỢNG GIÁ TRÚNG THẦU CỦA HÀNG HÓA THUỘC GÓI SỐ 1: MUA VẬT TƯ, HÓA CHẤT, SINH PHẨM PHỤC VỤ KHÁM SỨC KHỎE PHÁT HIỆN BỆNH NGHỀ NGHIỆP

(Kèm theo báo cáo số /BC-KSBT ngày 29/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên hàng hóa trúng thầu	Tên thương mại của hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quý cách đóng gói	Cơ sở/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
1	Bông y tế, thấm nước	Bông y tế thấm nước Hiệp Hưng	Sản xuất từ nguyên liệu bông xơ thiên nhiên 100% cotton. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị to và có độ thấm hút rất cao, không lẫn tạp chất. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Các chất tan trong nước:<= 0,5%; Độ ẩm: <= 8%;	01 kg/ cuộn	Hiệp Hưng; Việt Nam	Kg	25	126,000	3,150,000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam	Quyết định số 53/QĐ-KSBT ngày 10/02/2023 của Trung tâm KSBT tỉnh Thanh Hóa về việc chỉ định đơn vị thực hiện gói thầu: Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm phục vụ khám sức khỏe phát	Quyết định số 45/QĐ-KSBT ngày 08/02/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chụp X/Quan
2	Giấy in nhiệt	Giấy in nhiệt K57*45mm	Sử dụng cho máy sinh hóa máu, nước tiểu	100 cuộn/ thùng	Hải Anh; Việt Nam	Cuộn	25	10,500	262,500	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		

3	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang y tế 4 lớp, thành phần vải không dệt, không thấm nước, dây đeo thun đàn hồi tốt. Nẹp mũi được thiết kế vừa vặn, phù hợp với khuôn mặt	50 cái/hộp	HADIME D, Việt Nam	Cái	2,000	650	1,300,000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam	hiện bệnh nghề nghiệp	g tìm phổi và hội chẩn phim X/Quang, mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm, thuê xe chở máy móc, vật tư và cán bộ, in sổ khám sức khỏe phát hiện bệnh nghề nghiệp đợt I/2023
4	Dung dịch Acid acetic 3%	Dung dịch acid acetic 3%	Nồng độ 3%	500 ml/chai	Việt Nam	Lít	20	130,000	2,600,000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
5	Lugol 500ml	Lugol 500mL	Dung dịch Lugol 3%	500 ml/chai	Việt Nam	Lít	12	325,000	3,900,000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
6	Test nước tiểu 11 thông số	Que thử nước tiểu 11 parameters (100 que/Hộp). Hãng sx: Acon Biotech/ Trung Quốc	Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm sinh hóa nước tiểu 11 thông số Mindray AU-66, bao gồm: LEU, NIT, URO, PRO, Ph, BLO, SG, KET, BIL, GLU, ASC	100 test/lọ	Acon Biotech (HangZhou) co.,ltd; Trung Quốc	Test	9,000	2,985	26,865,000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		

7	Que thử nước tiểu 13 thông số	Que thử nước Combina 13	Tương thích với máy Combilyzer 13	100 test/lọ	(Chủ sở hữu:HUM AN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH; Đức) Dirui Industrial Co., Ltd;Trung Quốc	Test	1,000	10,500	10,500,000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam
8	Nước muối sinh lý 0,9%	Dung dịch nước muối sinh lý Phương Nam Natri clorid 0,9% (500ml)	Nước muối sinh lý 0,9%	500 ml/chai	Phương Nam; Việt Nam	Chai	50	5,200	260,000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam
9	Dung dịch Povidon 10%	Dung dịch sát khuẩn Povidon 10%	Thành phần: 10%kl/tt Povidone Iodine Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100%	1.000 ml/chai	TASUPH ARM; Việt Nam	Lít	12	120,000	1,440,000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam
10	Dung dịch cồn rửa tay sát khuẩn	APM HANDRUB	Dung dịch cồn rửa tay nhanh sát khuẩn, khô nhanh trong 30 giây, không rửa lại với nước	500 ml/chai	An Phú, Việt Nam	Chai	50	42,000	2,100,000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam

Phụ lục 4

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, SỐ LƯỢNG GIÁ TRÚNG THẦU CỦA HÀNG HÓA THUỘC GÓI SỐ 2: MUA HÓA CHẤT SỬ DỤNG TƯƠNG THÍCH CHO MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC RT-7600, HÃNG RAYTO, TRUNG QUỐC PHỤC VỤ KHÁM SỨC KHỎE PHÁT HIỆN BỆNH NGHỀ NGHIỆP

(Kèm theo báo cáo số /BC-KSBT ngày 29/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên hàng hóa trúng thầu	Tên thương mại của hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quý cách đóng gói	Cơ sở/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
1	Dung dịch dùng để phá vỡ hồng cầu	Dung dịch dùng để phá vỡ hồng cầu	Dung dịch dùng để phá vỡ hồng cầu, thành phần chính: Ammonium salt < 10%, NaCl < 0,15%, Stabilizer < 0,12%	500 ml/ chai	Rayto/Trung Quốc	ml	7,500	4,950	37,125,000	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh	Quyết định số 52/QĐ-KSBT ngày 10/02/2023 của Trung tâm KSBT tỉnh Thanh Hóa về việc chỉ định đơn vị thực hiện Gói số 2: Mua hóa chất sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm huyết học RT-7600, hãng Rayto,	Quyết định số 45/QĐ-KSBT ngày 08/02/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chụp X/Quang tim phổi và hội chẩn phim X/Quang,
2	Dung dịch dùng để pha loãng mẫu	Dung dịch dùng để pha loãng mẫu	Dung dịch để pha loãng mẫu, dùng cho máy huyết học Rayto 6700s. Thành phần chính: NaCl < 0,6%, Stabilizer < 1.0% và dung dịch đệm	20.000 ml/can	Rayto/Trung Quốc	ml	120,000	92	11,040,000	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh		
3	Dung dịch để làm sạch buồng đếm	Dung dịch để làm sạch buồng đếm	Dung dịch dùng để làm sạch buồng đếm, đường ống trong quá trình thực hiện xét nghiệm huyết học; thành phần chính: dung dịch đệm < 0,3%, protease < 0,2%	1.000 ml/ chai	Rayto/Trung Quốc	ml	16,000	2,500	40,000,000	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh		

Phụ lục 5

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, SỐ LƯỢNG GIÁ TRÚNG THẦU CỦA HÀNG HÓA THUỘC GÓI SỐ 1: MUA HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM SỬ DỤNG TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC XS800I, HÃNG SYSMEX, NHẬT BẢN

(Kèm theo báo cáo số /BC-KSBT ngày 29/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên hàng hóa trúng thầu	Tên thương mại của hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quý cách đóng gói	Cơ sở/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định phê duyet kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
1	Dung dịch dùng để pha loãng sử dụng cho máy huyết học	Cellpack (PK- 30L)	- Dung dịch dùng để pha loãng máu toàn phần dùng cho máy phân tích huyết học. - Bảo quản: ở 1-30 độ C - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 30 ngày - Thành phần: Sodium Chlorride 6.38 g/l, Boric Acid 1 g/l, Sodium Tetraborate 0.2 g/l, EDTA-2K 0.2 g/l.	Thùng 20 lít	Sysmex/ Nhật Bản	ml	300,000	152	45,600,000	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kỹ thuật Tâm Việt	Quyết định số 358/QĐ-KSBT ngày 02/8/2023 của Trung tâm KSBT tỉnh Thanh Hóa về	Quyết định số 328/QĐ-KSBT ngày 12/7/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm

2	Dung dịch ly giải hồng cầu giúp xác định chính xác các thành phần bạch cầu	Stromatol yser-4DL (FFD-200A)	Dung dịch ly giải hồng cầu giúp xác định chính xác các thành phần bạch cầu Bảo quản ở 2 - 35 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: Nonionic surfactant 0.18%, Organic quaternary ammonium salts 0.08%	Thùng 5L	Sysmex/ Nhật Bản	ml	10,000	2,856	28,560,000	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kỹ thuật Tâm Việt	việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 1: Mua hóa chất xét nghiệm sử dụng tương thích với máy xét nghiệm huyết học XS800i, hãng Sysmex, Nhật Bản	soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm, môi trường xét nghiệm phục vụ hoạt động dịch vụ tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh
3	Dung dịch nhuộm tế bào bạch cầu, giúp đếm chính xác các thành phần bạch cầu	Stromatol yser-4DS (FFS-800A)	Dung dịch nhuộm tế bào bạch cầu, giúp đếm chính xác các thành phần bạch cầu Bảo quản: 2 - 35 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: Polymethin dye 0.002%, Methanol 3%, In ethylene glycol 96.9%	Hộp 3x42ml	Sysmex/ Nhật Bản	ml	252	143,010	36,038,520	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kỹ thuật Tâm Việt		

4	Dung dịch đo hemoglobin trong máu	Sulfolyser (SLS-220A)	Hóa chất ly giải hồng cầu nhằm xác định nồng độ huyết sắc tố trong mẫu. Thành phần: Sodium Lauryl Sulfate 1.7 g/l. Sulfolyser là hóa chất sạch, không có Cyanide, độc tố thấp, hemoglobin được đo dựa trên phương pháp mới được phát triển SLS-Hb. Bảo quản: ở 2 - 30 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày	Thùng 5L	Sysmex/ Nhật Bản	ml	5,000	1,470	7,350,000	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kỹ thuật Tâm Việt	Thanh Hóa
5	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Cellclean (CL-50)	- Dung dịch tẩy kiềm mạnh để loại bỏ các chất phản ứng trên máy Sysmex, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy. - Bảo bảo ở 1 - 30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày - Thành phần: Sodium hypochlorite 5%.	Hộp 50 ml	Sysmex/ Nhật Bản	ml	200	58,153	11,630,600	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kỹ thuật Tâm Việt	
Tổng cộng: 05 danh mục									129,179,120		
Viết bằng chữ: Một trăm hai mươi chín triệu một trăm bảy mươi chín nghìn một trăm hai mươi đồng chẵn./.											

Phụ lục 6

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, SỐ LƯỢNG GIÁ TRÚNG THẦU CỦA HÀNG HÓA THUỘC GÓI SỐ 2: MUA HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM SỬ DỤNG TƯỜNG THÍCH VỚI MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA HUMALYZER 2000

(Kèm theo báo cáo số /BC-KSBT ngày 29/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên hàng hóa trúng thầu	Tên thương mại của hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quý cách đóng gói	Cơ sở/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
1	Thuốc thử xét nghiệm GPT (ALAT)	GPT (ALAT) IFCC mod. liquiUV	Dùng để định lượng GPT (alanine aminotransferase) trong huyết thanh và huyết tương người. - Khoảng tuyến tính: lên đến 500 U/l - Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa Humalyzer 2000	[BUF] 8 x 40 ml; [SUB] 8 x 10ml	Human - Đức	ml	800	5.250	4.200.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam	Quyết định số 398/QĐ-KSBT ngày 18/8/2023 của Trung tâm KSBT tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 2: Mua hóa chất xét nghiệm sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa Humalyzer 2000	Quyết định số 328/QĐ-KSBT ngày 12/7/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm, môi trường xét nghiệm phục vụ hoạt động dịch vụ tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
2	Thuốc thử xét nghiệm GOT (ASAT)	GOT (ASAT) IFCC mod. liquiUV	Dùng để định lượng GOT (aspartate aminotransferase) trong huyết thanh và huyết tương người. - Khoảng tuyến tính: lên đến 600 U/l - Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa Humalyzer 2000	[BUF] 8 x 40 ml; [SUB] 8 x 10ml	Human - Đức	ml	400	5.250	2.100.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		

3	Thuốc thử xét nghiệm Calcium	CALCIUM liquicolor	Dùng để định lượng Ion Calcium trong huyết thanh người, huyết tương người. - Khoảng đo (khoảng tuyến tính): lên đến 15 mg/dl (3.75mmol/l). - Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa Humalyzer 2000	[BUF] 1 x 100ml, [RGT] 1 x 100ml; [STD]: 1x3ml	Human - Đức	ml	200	4.200	840.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		tỉnh Thanh Hóa
4	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	CHOLESTEROL liquicolor	Dùng để định lượng Cholesterol trong huyết thanh người và huyết tương người - Khoảng tuyến tính: lên đến 750 mg/dl - Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa Humalyzer 2000	[RGT] 4 x 100 ml; [STD] 1x3ml	Human - Đức	ml	400	5.000	2.000.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
5	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	GLUCOSE liquicolor	Dùng để định lượng Glucose trong máu toàn phần, huyết thanh người, huyết tương người. - Khoảng tuyến tính: lên đến 400 mg/dl (22.2 mmol/l) - Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa Humalyzer 2000	[RGT] 4 x 100ml; [STD] 1x3ml	Human - Đức	ml	400	2.500	1.000.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		

6	Thuốc thử xét nghiệm Triglyceride	TRIGLYCE RIDES liquicolor mono	Dùng để định lượng triglyceride trên huyết thanh người và huyết tương chống đông bằng EDTA, Heparin. - Khoảng tuyến tính: lên đến 1000 mg/dl (11.4 mmol/l) - Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa Humalyzer 2000	[RGT] 4 x 100 ml; [STD] 1 x 3ml	Human - Đức	ml	400	6.600	2.640.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam
7	Thuốc thử xét nghiệm Urea	UREA liquiUV	Dùng để định lượng Urea trong huyết thanh, nước tiểu và huyết tương người. - Khoảng tuyến tính: lên đến 300 mg/dl (50 mmol/l) - Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa Humalyzer 2000	[ENZ] 8 x 40 ml; [SUB] 8 x 10 ml; [STD] 1 x 3 ml	Human - Đức	ml	800	5.500	4.400.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam
8	Thuốc thử xét nghiệm Creatinine	CREATININE liquicolor	Dùng để định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương người và nước tiểu. - Khoảng tuyến tính + Trong huyết thanh lên đến 13 mg/dl (1.150 μ mol/l). + Trong nước tiểu lên đến 500 mg/dl (44.200 μ mol/l) - Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa Humalyzer 2000	[PIC] 1 x 100 ml; [NaOH] 1 x 100 ml; [STD] 1 x 5 ml	Human - Đức	ml	800	3.500	2.800.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam

9	Thuốc thử xét nghiệm Uric Acid	URIC ACID liquidolor	Được dùng để định lượng Uric Acid trong huyết thanh người, huyết tương được chống đông bằng Heparin hoặc EDTA và nước tiểu. - Khoảng tuyến tính: Lên đến 20 mg/dl (1190 µmol/l). - Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa Humalyzer 2000	[RGT]: 4 x 100 ml; [STD]: 1x 3ml	Human - Đức	ml	400	5.500	2.200.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
Tổng cộng: 09 danh mục									22.180.000			
Viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.												

Phụ lục 7

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, SỐ LƯỢNG GIÁ TRÚNG THẦU CỦA HÀNG HÓA THUỘC GÓI SỐ 3: MUA VẬT TƯ, HÓA CHẤT, SINH PHẨM PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG KHÁM CHỮA BỆNH

(Kèm theo báo cáo số /BC-KSBT ngày 29/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên hàng hóa trúng thầu	Tên thương mại của hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quý cách đóng gói	Cơ sở/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
1	Que thử nước tiểu 11 thông số	Que thử nước tiểu 11 Mission	Dùng để định tính và bán định lượng 11 thông số Ascorbic, Blood, bilirubin, urobilinogen, ketone, glucose, protein, nitrite, leukocytes, pH, tỉ trọng SG. Chạy tương thích cho máy Mindray UA-66, Trung Quốc	Hộp 100 test	Acon Biotech (Hangzhou)/ Trung Quốc	test	15.000	2.520	37.800.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam	Quyết định số 507/QĐ-KSBT ngày 04/10/2023 của Trung tâm KSBT tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 3: Mua	Quyết định số 328/QĐ-KSBT ngày 12/7/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự

2	Test nhanh chẩn đoán viêm gan A (HAV)	Diagnostics Kit for IgM Antibody to Hepatitis A Virus	- Định tính phát hiện HAV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy 90,6% - Độ đặc hiệu 97,6% - Sử dụng mẫu thử máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương - Phát hiện các kháng thể IgM - Vùng cộng hợp được phủ cộng hợp vàng kháng thể chuột kháng IgM người - Vạch kết quả kháng nguyên HAV tái tổ hợp - Vạch chứng: Được phủ bởi kháng thể dê kháng IgG chuột	25 test/hộp	Guangzhou Wondfo Biotech/ Trung Quốc	test	120	31.000	3.720.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam	vật tư, hóa chất, sinh phẩm phục vụ hoạt động khám chữa bệnh	toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm, môi trường xét nghiệm phục vụ hoạt động dịch vụ tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa
3	Test nhanh phát hiện viêm gan E	Diagnostic Kit for IgM Antibody to Hepatitis E Virus (Colloidal Gold)	- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương - Định tính phát hiện kháng thể HEV trong huyết thanh huyết tương - Độ nhạy: 98,7% - Độ đặc hiệu 99,6% - Thành phần kit thử: Vùng cộng hợp được phủ sẵn kháng nguyên HEV tái tổ hợp và IgG thỏ. - Vạch thử được phủ bởi kháng thể chuột kháng IgM người. - Vạch chứng được phủ	25 test/hộp	Guangzhou Wondfo Biotech/ Trung Quốc	test	120	31.000	3.720.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		

			bối kháng thể dê kháng IgG chuột									
4	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C (HCV)	Rapid Anti- HCV Test	- Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người - Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 100 % - Thành phần Kit thử: Công hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng IgG người - Vạch kết quả kháng nguyên HCV-210 - Vạch chứng IgG người	40 test/hộp	InTec PRODUCTS, INC/ Trung Quốc	test	100	16.800	1.680.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
5	Test ma túy 4 chân	Khay thử xét nghiệm định tính 4 loại ma túy và chất chuyển hóa ma túy (Heroin/Mor phin, Amphetamin e, Methamphet amine, Marijuana)	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml + Amphetamine: 1000 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6%	25 test/ hộp	Hangzhou Biotest Biotech/ Trung Quốc	test	60	55.650	3.339.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		

6	Hóa chất xét nghiệm kháng thể Toxocara (Giun đũa chó mèo)	Toxocara IgG	Phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Toxocara trong mẫu huyết thanh và huyết tương người sử dụng kỹ thuật xét nghiệm miễn dịch hấp thụ liên kết enzyme (ELISA). 1. Độ nhạy: 87.5 %. 2. Độ đặc hiệu: 93.3 %.	96 test/ hộp	Cortez/ Mỹ	test	480	50.400	24.192.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
7	Cồn y tế 70 độ	Cồn 70 độ	Thành phần: Ethanol 70% Chỉ định: Cồn 70 độ thường được dùng để sát trùng ngoài da, sát khuẩn.	can 30 lít	Thuận Phát/ Việt Nam	ml	120.000	24	2.880.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
8	Cồn 90 độ	Cồn 90 độ	- Dung dịch dùng ngoài da trong suốt, dễ bay hơi. - Thành phần Ethanol 90%	can 30 lít	Thuận Phát/ Việt Nam	ml	120.000	28	3.360.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
9	Cồn 96 độ	Cồn 96 độ	Cồn đạt 96 độ, Trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng	can 30 lít	Thuận Phát/ Việt Nam	ml	10.000	33	330.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
10	Viên khử khuẩn	Germisep	Thành phần: Natri Dichloroisocya nutrale khan 50% + Adipic Acid 22,5% + thành phần khác 27,5%	hộp 100 viên	HOVID/ Malaysia	viên	3.000	4.200	12.600.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		

11	Bao cao su	Bao cao su Happy Family	- Sản phẩm làm từ mủ cao su tự nhiên qua quá trình sản xuất định hình: nhúng khuôn vào mủ cao su, sấy nóng mủ cao su đã nhúng thu sản phẩm, giặt sản phẩm, sấy khô sản phẩm, kiểm tra điện tử, (loại sản phẩm không đạt) sau đó có phun dầu bôi trơn Silicon đảm bảo độ bôi trơn và hương liệu tạo mùi thơm được đóng trong túi màng nhôm kín . - Kích thước: Dài: 170 ± 2mm Rộng: 49 hoặc 52 ± 2mm Độ dày: 0,065 ± 0,015mm - Hàm lượng cát bôi trơn bao gồm hương liệu: 550 ± 150 mg. Chất bôi trơn silicon không gây độc hại, không gây dị ứng.	hộp 200 cái	MERUFA/ Việt Nam	Cái	12.960	680	8.812.800	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
12	Giấy in nhiệt máy sinh hoá - huyết học - nước tiểu	Giấy in nhiệt K57x45mm	Cao 57mm, đường kính 45mm	10 cuộn/ túi	Hải Anh/ Việt Nam	Cuộn	120	11.550	1.386.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
13	Lam kính	Lam kính trong suốt	Chất liệu kính Soda vôi, kích thước 25.4x76.2mm, độ dày 1-1,2mm, bề mặt trơn.	72 cái/ hộp	Huida/ Trung Quốc	Cái	12.240	273	3.341.520	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		

14	La men	Tấm phủ tiêu bản bằng thủy tinh, kích thước 22x22mm	Kích thước 22 x 22mm; Được làm bằng thủy tinh, sạch và đánh bóng. Đồng đều về cắt và độ dày, chính xác về kích thước. Bề dày: 0,13-0,17 mm;	Hộp 1000 cái	CITOTEST/ Trung Quốc	Cái	10.000	452	4.520.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam
15	Bông mỡ	Bông y tế không thấm nước 1kg	Làm từ 100% bông thiên nhiên, không thấm nước	1kg/ túi	Bạch Tuyết/ Việt Nam	kg	10	128.400	1.284.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam
16	Đầu côn vàng 200µl	Đầu tip Gilson 200ul, bằng nhựa PP, màu vàng	Chất liệu nhựa Polypropylene trung tính, thích hợp với các loại Micropipete. Đầu col được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet. Thể tích hút 10 - 200µl	1000 cái/ túi	Huida/ Trung Quốc	cái	9.000	42	378.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam
17	Đầu côn xanh 1000µl, có khóa	Đầu tip Gilson 1000ul, bằng nhựa PP, màu xanh	Chất liệu nhựa Polypropylene trung tính, thích hợp với các loại Micropipete. Đầu col được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet. Thể tích hút 200-1000µl	500 cái/ túi	Huida/ Trung Quốc	cái	9.000	84	756.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam

18	Que lấy mẫu bệnh phẩm cán gỗ	Que lấy mẫu bệnh phẩm cán gỗ	Que lấy mẫu bệnh phẩm cán gỗ được sử dụng để lấy và vận chuyển các mẫu dịch hầu họng, dịch âm đạo, dịch niệu đạo... Sản phẩm sử dụng một lần. Mỗi que đựng riêng trong từng ống nhựa, thân que được làm bằng gỗ, 1 đầu gắn chặt với nắp ống, 1 đầu cuốn bông. Nắp ống màu đỏ được làm bằng nhựa Polypropylene. Sản phẩm sử dụng 1 lần	100 que/túi	Henso/ Trung Quốc	cái	4.000	1.470	5.880.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
Tổng cộng: 18 danh mục									119.979.320			
Viết bằng chữ: Một trăm mười chín triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm hai mươi đồng chẵn./.												

Phụ lục 8

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, SỐ LƯỢNG GIÁ TRÚNG THẦU CỦA HÀNG HÓA THUỘC GÓI THẦU: MUA VẬT TƯ, HÓA CHẤT PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ SỬ DỤNG 12 THÁNG (NĂM 2023-2024)

(Kèm theo báo cáo số /BC-KSBT ngày 29/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

STT	Mã phân/lô	Tên hàng hóa trúng thầu	Tên thương mại của hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quý cách đóng gói	Cơ sở/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
1	PP2300071782	Que thử nước tiểu 13 thông số	Combina13	Que thử nước tiểu 13 thông số, sử dụng cho máy phân tích nước tiểu Human Combilyzer 13. Đo các thông số theo thứ tự: Bilirubin (0.6%), Urobikinogen (0.2%), Ketones (5.7%), Ascorbis acid (0.8%), Glucose, Protein(0.1%), Blood, pH, Nitrite, Leu, Specific gravity, Creatinine (4.8%), Microalbumin (2.2%) Que thử không chuyển sang màu	100 test/hộp	Dirui Industrial Co., Ltd, Trung Quốc	Test	6.200	10.500	65.100.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam	Quyết định số 315/QĐ-KSBT ngày 04/7/2023 của Trung tâm KSBT tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, hóa chất phục vụ hoạt động dịch vụ sử dụng 12 tháng (năm	Quyết định số 105/QĐ-KSBT ngày 16/3/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua vật tư, hóa chất phục vụ hoạt động dịch vụ sử dụng 12 tháng (năm

Phụ lục 9

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, SỐ LƯỢNG GIÁ TRÚNG THẦU CỦA HÀNG HÓA THUỘC GÓI THẦU: MUA VẬT TƯ, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY ĐẾM TẾ BÀO CD4 FACS COUND PHỤC VỤ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo báo cáo số /BC-KSBT ngày 29/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên hàng hóa trúng thầu	Tên thương mại của hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quý cách đóng gói	Cơ sở/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
1	Thuốc thử xét nghiệm định tính và định lượng các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD4	BD FACSCount CD4	- CD4 clone SK3, kháng thể mouse BALB / c , IgG1 , kappa gắn màu PE - CD14 clone MφP9, kháng thể mouse BALB / c , IgG2b , kappa gắn màu PE-Cy TM 5 - CD15 clone MMA, kháng thể mouse BALB / c , IgM , kappa gắn màu PE-Cy5 - Tương thích sử dụng cho máy đếm tế bào CD4 của BD FACSCount	Hộp 50 test	1. Becton, Dickinson and Company, BD Biosciences/ Mỹ 2. Becton Dickinson Caribe, Ltd/ Mỹ	Test	200	198.140	39.628.000	Công ty cổ phần thiết bị SISC Việt Nam	Quyết định số 301/QĐ-KSBT ngày 26/6/2023 của Trung tâm KSBT tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói	Quyết định số 182/QĐ-KSBT ngày 05/5/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà

2	Chất chuẩn máy đếm tế bào	BD FACSCount™ Control Kit	- Hạt bead có 4 nồng độ : zero, thấp, trung bình và cao. - 2 cặp ống với các màu trên nắp: zero (màu vàng), thấp (đỏ), trung bình (xanh dương), cao (tím). - Dùng để thiết lập đường tuyến tính trước khi chạy mẫu. - Tương thích sử dụng cho máy đếm tế bào CD4 của BD FACSCount	Hộp 25 test	1. Becton, Dickinson and Company, BD Biosciences/ Mỹ 2. Becton Dickinson Caribe, Ltd/ Mỹ	Test	25	242.160	6.054.000	Công ty cổ phần thiết bị SISC Việt Nam	thầu: Mua vật tư, hóa chất xét nghiệm dùng cho máy đếm tế bào CD4 Facs count phục vụ chuyên môn	thầu Mua vật tư, hóa chất xét nghiệm dùng cho máy đếm tế bào CD4 Facs count phục vụ chuyên môn
3	Dung dịch chạy máy xét nghiệm tế bào dòng chảy	BD FACSTFlow™ Sheath Fluid	- Dùng để chạy máy, giúp vận chuyển các phân tử qua các dây dẫn chất lỏng của máy xét nghiệm tế bào dòng chảy, hướng chúng đến tâm của dòng chảy. Thành phần: chứa Natri florua 0,064% - Tương thích sử dụng cho máy đếm tế bào CD4 của BD FACSCount	Thùng 20L	Avantor Performance Materials Poland S.A/ Ba Lan	Lít	20	94.000	1.880.000	Công ty cổ phần thiết bị SISC Việt Nam		

4	Dung dịch trắng	BD® FACS Rinse	Thành phần có chứa Natri azit	Thùng 5L	Avantor Performance Materials Poland S.A/ Ba Lan	Lít	5	352.000	1.760.000	Công ty cổ phần thiết bị SISC Việt Nam		
5	Dung dịch rửa	BD® FACSClean	Thành phần: Axit clohydric, muối natri và Natri hydroxit .	Thùng 5L	Avantor Performance Materials Poland S.A/ Ba Lan	Lít	5	442.000	2.210.000	Công ty cổ phần thiết bị SISC Việt Nam		
Tổng cộng: 05 danh mục									51.532.000			
Viết bằng chữ: Năm mươi một triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn./.												

Phụ lục 10

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, SỐ LƯỢNG GIÁ TRÚNG THẦU CỦA HÀNG HÓA THUỘC GÓI THẦU: MUA VẬT TƯ, HÓA CHẤT, SINH PHẨM, Y DỤNG CỤ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN TẠI TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo báo cáo số /BC-KSBT ngày 29/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên hàng hóa trúng thầu	Tên thương mại của hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quý cách đóng gói	Cơ sở/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
1	Ống thổi máy đo chức năng hô hấp	Ống thổi máy đo chức năng hô hấp	Chất liệu: Được làm bằng giấy, dùng 1 lần, sử dụng cho máy đo chức năng hô hấp. Kích thước: đường kính ống 25mm, chiều dài ống 75mm	100 cái/hộp	Hitec; Trung Quốc	Ống	3.000	2.700	8.100.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam	Quyết định số 347/QĐ-KSBT ngày 21/7/2023 của Trung tâm KSBT tỉnh Thanh Hóa về việc chỉ định đơn vị thực hiện Gói thầu: Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm, y dụng cụ phục vụ	Quyết định số 336/QĐ-KSBT ngày 17/7/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm, y dụng cụ
2	Ống nghiệm thủy tinh	Ống nghiệm thủy tinh	Ống nghiệm thủy tinh thùng 1 đầu Chất liệu: Thủy tinh trong suốt Ống nghiệm đường kính phi 12mm, chiều dài 120 mm		Lương Tâm/ Việt Nam	Ống	3.000	690	2.070.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
3	Ống Durham	Ống Durham	Ống Durham Chất liệu thủy tinh, trong suốt, dài 2,5cm, đường kính trong lòng ống 3,5mm, thành ống dày 0,5mm, đáy trong		Việt Nam	Kg	5	2.150.000	10.750.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		

			bằng, đáy ngoài hình cầu lõm								hoạt động chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	phục vụ hoạt động chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa
4	Giấy in siêu âm	Giấy in siêu âm	+ Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony + Dung lượng: Khoảng 215 bản in cho mỗi cuộn. + Kích thước 110 mm × 20 m.	Hộp 10 cuộn	Sony Corporation; Nhật Bản	Cuộn	80	155.000	12.400.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
5	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 4 lớp, thành phần vải không dệt, không thấm nước, dây đeo thun đàn hồi tốt. Nẹp mũi được thiết kế vừa vặn, phù hợp với khuôn mặt	50 cái/hộp	An Phú, Việt Nam	Cái	8.000	630	5.040.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
6	Test nhanh chẩn đoán HCG	Test nhanh chẩn đoán HCG	Mẫu thử: Nước tiểu, huyết thanh - Ngưỡng phát hiện: 10mIU/mL - Độ nhạy: 100% , Độ đặc hiệu 100%; Khoảng tin cậy: 95% - Vùng cộng hợp: cộng hợp vàng kháng thể kháng hCG, IgY-gà; - Vạch kết quả: kháng thể kháng hCG, - Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgY-gà	50 que/hộp	CTK, Biotech, Inc; Hoa Kỳ	Test	600	6.825	4.095.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		

7	Dầu bôi trơn	Dầu bôi trơn	- Dung tích 2cc - Chất gel lỏng silicol, được dùng bôi trơn cho ống hút thai	Hộp 10 tuýp	WomanCare Global; Hoa Kỳ	Tuýp	50	28.000	1.400.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
8	Dầu soi kính hiển vi	Dầu soi kính hiển vi	Dùng để soi tiêu bản đã nhuộm, phát hiện hình thể vi khuẩn, nấm, kí sinh trùng trên kính hiển vi quang học.	25ml/lọ	Trung Quốc	ml	1.500	2.600	3.900.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
9	Dung dịch Giemsa	Dung dịch Giemsa	Nhuộm Giemsa được sử dụng chủ yếu trong nhuộm máu và phết tế bào tủy xương. Độ pha loãng khuyến nghị 1:10 hoặc 1:15 trong dung dịch đậm Sorensen phosphate pH 6,5-6,8. Thành phần: Methanol: <50%; Glycerol: < 25%; Ethylene Glycol: < 25%	Chai 1.000 ml	Atom Scientific Ltd; Anh	ml	1.000	1.850	1.850.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
10	Bát đựng bông cotton có nắp đậy	Bát đựng bông cotton có nắp đậy	Được làm bằng chất liệu Inox 304, không gỉ, đường kính miệng bát 8 cm, chiều cao của bát 5cm. Bát có nắp đậy kín, nắp bát được làm bằng chất liệu Inox 304, không gỉ	01 cái/túi	Armephaco; Việt Nam	Cái	20	35.000	700.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		

Phụ lục 11

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, SỐ LƯỢNG GIÁ TRÚNG THẦU CỦA HÀNG HÓA THUỘC GÓI THẦU: MUA VẬT TƯ, HÓA CHẤT, SINH PHẨM PHỤC VỤ XÉT NGHIỆM KHÁNG ĐỊNH HIV THUỘC KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO TÀI CHÍNH CHO CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS VÀ ĐỀ ÁN THÍ ĐIỂM SÀNG LỌC PHÁT HIỆN SỚM VÀ XỬ TRÍ UNG THƯ CÔ TỬ CUNG TẠI THANH HÓA NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo số /BC-KSBT ngày 29/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên hàng hóa trúng thầu	Tên thương mại của hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quý cách đóng gói	Cơ sở/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
1	Test xét nghiệm nhanh HIV (SD Bioline 1/2 3.0)	Test xét nghiệm nhanh HIV (SD Bioline 1/2 3.0)	- Sinh phẩm nằm trong khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia của Viện vệ sinh dịch tễ Trung Ương - Phát hiện và phân biệt kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA). Độ nhạy 100%; độ đặc hiệu ≥ 99,8%	30 test/hộp	Hàn Quốc	Test	900	30.500	27.450.000	Công ty TNHH UNT Việt Nam	Quyết định số 449/QĐ-KSBT ngày 07/9/2023 của Trung tâm KSBT tỉnh Thanh Hóa về việc chỉ định đơn vị thực hiện Gói	Quyết định số 420/QĐ-KSBT ngày 28/8/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế

2	Test nhanh chẩn đoán HIV (Determine HIV 1/2)	Test nhanh chẩn đoán HIV (Determine HIV 1/2)	- Sinh phẩm nằm trong khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia của Viện vệ sinh dịch tễ Trung Ương- Độ nhạy 100% ,- Độ đặc hiệu $\geq 99,75\%$, Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút,Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút, không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh,huyết tương , 100 test/hộp Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu EN ISO13485. Sản xuất tại nước thuộc G7.- Hàm lượng chính: Antibody, anti HIV-1, Antibody,Anti HIV-2,Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen,(pGO11-CKS/XL-1) HIV-1 Group O,Antigen,(PjC100)HIV-2,Antigen,(pOM10/PV361) HIV-1, Antigen, (pTB319/XL-1)HIV-1,HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen	100 test/hộp	Nhật Bản	Test	900	40.550	36.495.000	Công ty TNHH UNT Việt Nam	thầu: Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm phục vụ xét nghiệm khẳng định HIV thuộc kế hoạch đảm bảo tài chính cho các hoạt động phòng chống HIV/AIDS và đề án thí điểm sàng lọc phát hiện sớm và xử trí ung thư cổ tử cung tại Thanh Hóa năm 2023	hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm phục vụ xét nghiệm khẳng định HIV thuộc kế hoạch đảm bảo tài chính cho các hoạt động phòng chống HIV/AIDS và đề án thí điểm sàng lọc phát hiện sớm và xử trí ung thư cổ tử cung tại Thanh Hóa năm 2023
---	--	--	---	--------------	----------	------	-----	--------	------------	---------------------------	--	--

3	Khay thử xét nghiệm kháng thể kháng HIV	Khay thử xét nghiệm kháng thể kháng HIV	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người nhằm mục đích chẩn đoán lây nhiễm HIV - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016 - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. - Độ nhạy: 99,47%; Độ đặc hiệu: 99,8% - Phân loại trang thiết bị y tế loại C hoặc loại D - Thành phần kit thử: + Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp; + Vạch kết quả Anti-human IgG-Fc McAb; + Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung 2020 của Viện VSDTTU; + Bảo quản ở nhiệt độ thường;	40 test/khay	Trung Quốc	Test	920	15.950	14.674.000	Công ty TNHH UNT Việt Nam		
4	Ống lưu mẫu Cryotube	Ống lưu mẫu Cryotube	Chất liệu thân ống nhựa PP, nắp nhựa PE, dung tích 1.8ml. Được sử dụng để bảo quản lạnh các mẫu như máu toàn phần, huyết thanh, tế bào.	100 cái/hộp	Việt Nam	Cái	900	2.850	2.565.000	Công ty TNHH UNT Việt Nam		

5	Hộp đựng ống đựng mẫu Cryo 1.5-2.0 mL	Hộp đựng ống đựng mẫu Cryo 1.5-2.0 mL	Hộp đựng ống đựng mẫu Cryo 1.5-2.0 mL Chất liệu nhựa PP chịu hoá chất, loại có 100 vị trí lỗ để chứa ống Cryo	Cái	Việt Nam	Cái	9	64.000	576.000	Công ty TNHH UNT Việt Nam		
6	Cồn y tế 70 độ	Cồn y tế 70 độ	Thành phần Ethanol $\geq 70\%$, được sử dụng để ngâm rửa, vệ sinh, khử trùng, sát khuẩn dụng cụ y tế, trang thiết bị y tế, khử trùng trong lĩnh vực y tế.	500ml/ chai	Việt Nam	ml	20.000	42	840.000	Công ty TNHH UNT Việt Nam		
7	Hộp an toàn đựng bơm và kim tiêm đã sử dụng	Hộp an toàn đựng bơm và kim tiêm đã sử dụng	Hình hộp chữ nhật. Vật liệu làm hộp: Carton 2 mặt phủ màng PE; Độ dày thành hộp: 1,3-1,4 mm; Kích thước ngoài: Trước khi lắp ráp cao x dài x rộng (mm): 580x284x3,85; Sau khi lắp ráp cao x dài x rộng (mm): 275x160x125; Khối lượng hộp rỗng: 300g; Kích thước lỗ thả Bơm tiêm: Đường kính lỗ thả kim tiêm 36 ± 1 mm, có nắp đóng mở.	10 cái/hộp	Việt Nam	Cái	25	16.000	400.000	Công ty TNHH UNT Việt Nam		
8	Dung dịch Giemsa	Dung dịch Giemsa	Dung dịch Giemsa	1000 ml/chai	Đức	ml	1.000	1.850	1.850.000	Công ty TNHH UNT Việt Nam		
9	Lam kính	Lam kính	Chất liệu kính Soda vôi, kích thước 25.4*76.2mm, độ dày 1.0-1.2mm, trong suốt	72 cái/hộp	Trung Quốc	Cái	3.960	320	1.267.200	Công ty TNHH UNT Việt Nam		
10	Cồn tuyệt đối	Cồn tuyệt đối	Hàm lượng cồn > 99%	500ml/ chai	Việt Nam	ml	1.000	102	102.000	Công ty TNHH UNT		

Phụ lục 12

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, SỐ LƯỢNG GIÁ TRÚNG THẦU CỦA HÀNG HÓA THUỘC GÓI SỐ 1. MUA SINH PHẨM XÉT NGHIỆM ELISA*(Kèm theo báo cáo số /BC-KSBT ngày 29/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Tên hàng hóa trúng thầu	Tên thương mại của hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quý cách đóng gói	Cơ sở/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
1	Sinh phẩm Elisa định tính kháng thể IgM của virus Dengue	Sinh phẩm Elisa định tính kháng thể IgM của virus Dengue	Định tính kháng thể IgM của virus Dengue trong huyết thanh và huyết tương người bằng kỹ thuật ELISA. Độ nhạy 96,2%, Độ đặc hiệu > 99,3%	Hộp 96 test	Institut Virion\Serion GmbH/ Đức	Test	480	63.324	30.395.520	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh	Quyết định số 564/QĐ-KSBT ngày 01/11/2023 của Trung tâm KSBT tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 1. Mua sinh phẩm xét nghiệm Elisa	Quyết định số 502/QĐ-KSBT ngày 29/9/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Mua vật tư,
2	Hóa chất xét nghiệm kháng thể Toxocara (Giun đũa chó mèo)	Hóa chất xét nghiệm kháng thể Toxocara (Giun đũa chó mèo)	Phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Toxocara trong mẫu huyết thanh và huyết tương người sử dụng kỹ thuật xét nghiệm miễn dịch hấp thụ liên kết enzyme (ELISA). 1. Độ nhạy 87.5 %. 2. Độ đặc hiệu: 93.3 %.	Hộp 96 test	Diagnostic Automation/Co rtez Diagnostics Inc/ Mỹ	Test	960	48.038	46.116.480	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh		

3	Hóa chất xét nghiệm kháng thể Fasciola (Sán lá gan lớn)	Hóa chất xét nghiệm kháng thể Fasciola (Sán lá gan lớn)	Tầm soát định tính kháng thể IgG kháng Fasciola trong huyết thanh với kỹ thuật miễn dịch hấp thụ liên kết enzyme (ELISA). 1. Độ nhạy: 100 %. 2. Độ đặc hiệu: 100 %.	Hộp 96 test	Diagnostic Automation/Cortez Diagnostics Inc/ Mỹ	Test	480	48.038	23.058.240	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh	hóa chất, sinh phẩm, trang thiết bị thuộc các hoạt động, dự án và chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2023 tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa
4	Thuốc thử elisa xét nghiệm bán định lượng IgG kháng Paragonimus (sán lá phổi)	Thuốc thử elisa xét nghiệm bán định lượng IgG kháng Paragonimus (sán lá phổi)	Xét nghiệm Paragonimus ELISA là một xét nghiệm miễn dịch enzym bán định lượng để phát hiện các kháng thể đối với Paragonimus, trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. - Độ nhạy 95% - Độ đặc hiệu 100%	Hộp 96 test	New Life Diagnostics LLC/ Mỹ	Test	480	50.000	24.000.000	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh	
5	Sinh phẩm ELISA chẩn đoán viêm não Nhật Bản	Sinh phẩm ELISA chẩn đoán viêm não Nhật Bản	Bộ sinh phẩm ELISA chẩn đoán vi-rút viêm não Nhật Bản. Bệnh phẩm sử dụng là huyết thanh hoặc huyết tương người; phát hiện kháng thể IgM trong mẫu bệnh phẩm. Khay nhựa vi lượng 96 giếng (8 giếng x 12 dãy); các dãy có	Hộp 96 test	DRG Instruments GmbH - Đức/ Đức	Test	96	145.807	13.997.472	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh	

			thể tách rời nhau. Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu 100 %									
6	Sinh phẩm ELISA chẩn đoán sởi	Sinh phẩm ELISA chẩn đoán sởi	Bộ sinh phẩm ELISA chẩn đoán vi-rút sởi. Bệnh phẩm sử dụng là huyết thanh hoặc huyết tương người; phát hiện kháng thể IgM trong mẫu bệnh phẩm. Khay nhựa vi lượng 96 giếng (8 giếng x 12 dãy); các dãy có thể tách rời nhau. Độ nhạy 98,9%, độ đặc hiệu > 99 %.	Hộp 96 test	Institut Virion\Serion GmbH/ Đức	Test	192	63.324	12.158.208	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Sinh		
Tổng cộng: 06 danh mục									149.725.920			
Viết bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi đồng chẵn./.												

Phụ lục 13

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, SỐ LƯỢNG GIÁ TRÚNG THẦU CỦA HÀNG HÓA THUỘC GÓI SỐ 2. MUA VẬT TƯ, HÓA CHẤT, KHÁNG HUYẾT THANH TẢ, DỤNG CỤ DÙNG CHO CÁC DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo báo cáo số /BC-KSBT ngày 29/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

STT	Mã phần/lô	Tên hàng hóa trúng thầu	Tên thương mại của hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Cơ sở/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
1	PP2300393398	Bộ nhuộm Gram	MELAB-Color Gram Set (Bộ nhuộm Gram)	Dùng để xác định tính chất bắt màu của vi khuẩn; bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 100ml, Lugol chai 100ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 100ml và Safranine chai 100ml. Bộ 4 chai	Lavitec/ Việt Nam	bộ	1	252.000	252.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam	Quyết định số 624/QĐ-KSBT ngày 22/11/2023 của Trung tâm KSBT tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 2. Mua vật tư, hóa chất, kháng huyết thanh tả, dụng cụ dùng cho các dự án, chương trình	Quyết định số 502/QĐ-KSBT ngày 29/9/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm, trang thiết bị thuộc các hoạt động, dự án và chương trình mục tiêu Y tế -
2	PP2300393399	Cồn y tế 70 độ	Cồn 70 độ	Thành phần Ethanol ≥70%, được sử dụng để ngâm rửa, vệ sinh, khử trùng, sát khuẩn dụng cụ y tế, trang thiết bị y tế, khử trùng trong lĩnh vực y tế.	Thuận Phát/ Việt Nam	ml	45.000	23	1.035.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		

3	PP2300393400	Cồn 90 độ	Cồn 90 độ	Dung dịch 90% thể tích cồn Ethanol trong nước; dùng cho đốt đèn cồn, khử trùng bề mặt bàn xét nghiệm, dụng cụ y tế	Thuận Phát/ Việt Nam	ml	80.000	27	2.160.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		Dân số năm 2023 tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa
4	PP2300393401	Cồn tuyệt đối	Ethanol 99%	Hàm lượng cồn (Ethanol) > 99%	Thuận Phát/ Việt Nam	ml	500	51	25.500	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
5	PP2300393402	Dung dịch Giemsa	Giemsa	Dung dịch nhuộm Giemsa mẹ là dung dịch màu xanh (bao gồm bột giemsa, methanol, glycerol)	AtomScientific/Anh	ml	1.000	1.850	1.850.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
6	PP2300393405	Viên khử khuẩn	Viên khử khuẩn Presept 2.5g	Viên sử dụng khử khuẩn tan nhanh trong nước, pH 6-7, viên nặng 5g có thành phần 2,5g Troclosesense Sodium 50%, 1,2g Apidic acid 24%	Mendentech/ Ai len	viên	2.100	6.000	12.600.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		

7	PP2300393408	Bông tắm cồn	Bông tắm cồn 6cm x 6cm	Kích thước: 6cmx6cm, thấm cồn Ethanol 70%.	Bạch Tuyết/ Việt Nam	miền g	3.000	266	798.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
8	PP2300393412	Lam kính	Lam kính trong suốt	Chất liệu kính Soda vôi, kích thước 25.4*76.2mm, độ dày 1.0-1.2mm, trong suốt	Huida/ Trung Quốc	cái	2.016	273	550.368	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
9	PP2300393413	La men	Tấm phủ tiêu bản bằng thủy tinh, kích thước 22x22mm	Phiến kính kích thước 22x22mm (±5%), chất liệu thủy tinh	CITOTES T/ Trung Quốc	cái	1.000	452	452.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
10	PP2300393421	Chai lấy mẫu nước (phân tích chỉ tiêu vi sinh)	Chai trung tính 250ml	Chai thủy tinh nút mài (hoặc vặn) dung tích 250 ml, chất liệu thủy tinh trung tính, không màu, chịu được nhiệt độ 150-270°C	eisco/ Ấn độ	cái	300	99.000	29.700.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		

11	PP2300393423	Que lấy mẫu bệnh phẩm cán gỗ	Que lấy mẫu bệnh phẩm cán gỗ Que lấy mẫu bệnh phẩm cán gỗ	Que lấy mẫu bệnh phẩm cán gỗ được sử dụng để lấy và vận chuyển các mẫu dịch hầu họng, dịch âm đạo, dịch niệu đạo... Sản phẩm sử dụng một lần. Mỗi que đựng riêng trong từng ống nhựa, thân que được làm bằng gỗ, 1 đầu gắn chặt với nắp ống, 1 đầu cuốn bông. Nắp ống màu đỏ được làm bằng nhựa PP. Sản phẩm sử dụng 1 lần	Henso/ Trung Quốc	que	1.800	1.470	2.646.000	Công ty TNHH Thương mại đầu tư Việt Nam		
Tổng cộng: 11 danh mục									52.068.868			
Viết bằng chữ: Năm mươi hai triệu không trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm sáu tám đồng chẵn./.												

Phụ lục 14

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, SỐ LƯỢNG GIÁ TRÚNG THẦU CỦA HÀNG HÓA THUỘC GÓI SỐ 3. MUA VẬT TƯ TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG VÀ PHÒNG CHỐNG DỊCH*(Kèm theo báo cáo số /BC-KSBT ngày 29/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Tên hàng hóa trúng thầu	Tên thương mại của hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quý cách đóng gói	Cơ sở/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
1	Hộp an toàn đựng bơm và kim tiêm đã sử dụng	Hộp an toàn đựng bơm và kim tiêm đã sử dụng	Hình hộp chữ nhật - Vật liệu làm hộp: Carton 2 mặt phủ màng PE - Độ dày thành hộp: 1,3-1,4 mm - Kích thước ngoài: + Trước khi lắp ráp cao x dài x rộng (mm): 580x284x3,85 + Sau khi lắp ráp cao x dài x rộng (mm): 275x160x125 - Khối lượng hộp rỗng: 300g - Kích thước lỗ thả Bơm tiêm: Đường kính lỗ thả kim tiêm 36±1mm, có nắp đóng mở.	50 cái/kiện	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển công nghệ cao Ngôi Sao Xanh/ Việt Nam	cái	3.055	13.500	41.242.500	Công ty TNHH đầu tư và phát triển công nghệ cao Ngôi Sao Xanh	Quyết định số 593/QĐ-KSBT ngày 13/11/2023 của Trung tâm KSBT tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 3. Mua vật tư tiêm chủng mở rộng và phòng	Quyết định số 502/QĐ-KSBT ngày 29/9/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Mua vật tư, hóa chất, sinh

2	Bơm kim tiêm lao 0,1 ml tự khóa	Bơm kim tiêm lao 0,1 ml tự khóa	Bơm tiêm làm bằng nhựa dùng một lần để tiêm trong da vắc xin phòng lao cho trẻ sơ sinh. Dung tích bơm tiêm là 0,1ml. Cỡ kim là 27Gx3/8". Các nguyên vật liệu để làm bơm tiêm: xy lanh, piston, kim tiêm (độc kim, thân kim...) là những nguyên vật liệu được phép sử dụng trong y tế. Bơm tiêm phải có tính năng tự khóa (hay còn được gọi là tự hóc, tự hủy, thuật ngữ tiếng Anh là Auto Disable) có nghĩa là sau khi vắc xin hoặc dung dịch tiêm truyền được hút đủ liều vào trong bơm kim tiêm rồi tiêm hết thì không thể kéo piston trở lại để hút vắc xin hoặc dung dịch tiêm truyền lần thứ 2 được nữa. Tập hợp bơm tiêm, kim tiêm, nắp chụp bảo vệ được hàn kín trong một đơn vị đóng gói, sau đó được xử lý tiệt trùng theo quy trình tiệt trùng kín.	100 cái/hộp; 33 hộp/kiện	Becton Dickinson S.A/Tây Ban Nha	cái	30.000	2.900	87.000.000	Công ty TNHH đầu tư và phát triển công nghệ cao Ngôi Sao Xanh	chống dịch	phẩm, trang thiết bị thuộc các hoạt động, dự án và chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2023 tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa
Tổng cộng: 02 danh mục									128.242.500			
Viết bằng chữ: Một trăm hai mươi tám triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng chẵn./.												

Phụ lục 15

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, SỐ LƯỢNG GIÁ TRÚNG THẦU CỦA HÀNG HÓA THUỘC GÓI THẦU: MUA HÓA CHẤT DIỆT MUỖI THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG SỐT RÉT, HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG SỐT XUẤT HUYẾT NĂM 2023 CỦA TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo báo cáo số /BC-KSBT ngày 29/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên hàng hóa trúng thầu	Tên thương mại của hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quý cách đóng gói	Cơ sở/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
1	Hóa chất diệt muỗi: VIAPER 50EC	Hóa chất diệt muỗi: VIAPER 50EC	Thành phần gồm: - Permethrin: 50 w/v (500g/lít) - Hàm lượng các chất phụ gia vừa đủ: 50% w/v (500g/lít) - Tỷ lệ đồng phân cis/trans: 25/75 - Dạng chế phẩm: Nhũ dầu (EC)	1 lít/chai	Công ty Cổ phần Đầu tư Liên doanh Việt Anh - Việt Nam	Lít	626	415.000	259.790.000	Công ty Cổ phần đầu tư liên doanh Việt Anh	Quyết định số 619/QĐ-KSBT ngày 22/11/2023 của Trung tâm KSBT tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua hóa chất diệt muỗi thực hiện hoạt động phòng chống sốt rét, hoạt động phòng chống sốt xuất huyết năm 2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua hóa chất diệt muỗi thực hiện hoạt động phòng chống sốt rét, hoạt động phòng chống sốt xuất huyết năm 2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa;

Phụ lục 16

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, SỐ LƯỢNG GIÁ TRÚNG THẦU CỦA HÀNG HÓA THUỘC GÓI SỐ 4: MUA HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO BỘ PHẬN HÓA PHÂN TÍCH*(Kèm theo báo cáo số /BC-KSBT ngày 29/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Mã phần/lô	Tên hàng hóa trúng thầu	Tên thương mại của hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Cơ sở/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
1	PP2300588868	Ammonium standard solution 1000mg/L [Dung dịch chuẩn Amoni (NH ₄ ⁺) , nồng độ 1000mg/L]	Ammonium standard solution 1000mg/L [Dung dịch chuẩn Amoni (NH ₄ ⁺) , nồng độ 1000mg/L]	- Được điều chế từ NH ₄ Cl tinh khiết cao với nước; - Tỷ trọng: 0,99 g/cm ³ (20 °C) - Giá trị pH: 5.4 (H ₂ O, 20°C) - Nồng độ β (NH ₄ ⁺): 990 - 1010 mg/L - Nhiệt độ bảo quản: ở +15°C đến +25°C.	1198120500 Merck - Đức	ml	500	2.700	1.350.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Quyết định số 44/QĐ-KSBT ngày 06/02/2024 của Trung tâm KSBT tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định số 701/QĐ-KSBT ngày 27/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
2	PP2300588870	Nitrite standard solution 1000mg/L [Dung dịch chuẩn Nitrite (NO ₂ ⁻), nồng độ 1000mg/L]	Nitrite standard solution 1000mg/L [Dung dịch chuẩn Nitrite (NO ₂ ⁻), nồng độ 1000mg/L]	- Được điều chế từ NaNO ₂ tinh khiết với nước; - Giá trị pH: 7 (H ₂ O, 20°C); - Tỷ trọng: 1,001 g/cm ³ (20 °C) - Nồng độ β (NO ₂ ⁻): 990 - 1010 mg/L - Nhiệt độ bảo quản: ở +15°C đến +25°C.	1198120500 Merck - Đức	ml	1000	2400	2.400.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầuGói số 4: Mua hóa chất sử dụng cho bộ phận hóa phân tích	Dự án: Mua vật tư tiêu hao, hóa chất môi trường, dụng cụ phục vụ hoạt động dịch vụ xét nghiệm nước, quan trắc môi trường lao động năm

3	PP2300588871	Nitrate standard solution 1000mg/L [Dung dịch chuẩn Nitrate (NO ₃ -), nồng độ 1000mg/L]	Nitrate standard solution 1000mg/L [Dung dịch chuẩn Nitrate (NO ₃ -), nồng độ 1000mg/L]	- Được điều chế từ NaNO₃ tinh khiết với nước - Tỉ trọng: 1,00 g/cm³ (20 °C) - Giá trị pH 6 (H₂O, 20 °C) - Nồng độ β (NO₃⁻): 990 - 1010 mg/L - Thành phần NaNO₃ in H₂O 1000 mg/l NO₂ ; - Nhiệt độ bảo quản: ở + 15 °C đến + 25 °C.	1198120500 Merck - Đức	ml	1.000	2.400	2.400.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	2024 tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa
4	PP2300588872	Sulfate standard solution 1000mg/L [Dung dịch chuẩn Sulfat (SO ₄ --), nồng độ 1000mg/L]	Sulfate standard solution 1000mg/L [Dung dịch chuẩn Sulfat (SO ₄ --), nồng độ 1000mg/L]	- Được điều chế từ Na₂SO₄ tinh khiết với nước - Tỉ trọng: 0,998 g/cm³ (20 °C) - Nồng độ β (SO₄²⁻): 990 - 1010 mg/L - Nhiệt độ bảo quản: ở + 15 °C đến + 25 °C.	1198120500 Merck - Đức	ml	1.000	2.500	2.500.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	
5	PP2300588874	Fluoride standard solution 1000mg/L [Dung dịch chuẩn florua (F-), nồng độ 1000mg/L]	Fluoride standard solution 1000mg/L [Dung dịch chuẩn florua (F-), nồng độ 1000mg/L]	- Được điều chế từ NaF tinh khiết với nước - Tỉ trọng : 1.000 g/cm³ (20 °C) - Giá trị pH : 6 (H₂O, 20 °C) - Nồng độ β (F⁻): 990 - 1010 mg/l - Nhiệt độ bảo quản: ở + 15 °C đến + 25 °C.	1198120500 Merck - Đức	ml	1.000	2.700	2.700.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	

6	PP2300588875	Phosphate standard solution 1000mg/L [Dung dịch chuẩn photphat (PO_4^{3-}), nồng độ 1000mg/L]	Phosphate standard solution 1000mg/L [Dung dịch chuẩn photphat (PO_4^{3-}), nồng độ 1000mg/L]	- Được điều chế từ KH_2PO_4 tinh khiết với nước ; - Tỉ trọng: 0,998 g/cm³ (20 °C) - Nồng độ β (PO_4^{3-}): 990 - 1010 mg/l - Nhiệt độ bảo quản ở + 15 ° C đến + 25 ° C;	1198120500 Merck - Đức	ml	1.000	2.400	2.400.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T
7	PP2300588875	Mercury standard solution 1000mg/l Hg [Dung dịch chuẩn thủy ngân (Hg), nồng độ 1000mg/l]	Mercury standard solution 1000mg/l Hg [Dung dịch chuẩn thủy ngân (Hg), nồng độ 1000mg/l]	- Được điều chế từ $\text{Hg}(\text{NO}_3)_2$ tinh khiết với HNO_3 2 mol/l - Tỉ trọng : 1,054 g/cm³ (20 °C) - Nhiệt độ bảo quản ở +15°C đến +25°C.	1198120500 Merck - Đức	ml	100	10.000	1.000.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T
8	PP2300588890	Magnesium standard solution 1000mg/l Mg [Dung dịch chuẩn magie (Mg), nồng độ 1000mg/l]	Magnesium standard solution 1000mg/l Mg [Dung dịch chuẩn magie (Mg), nồng độ 1000mg/l]	- Được điều chế từ $\text{Mn}(\text{NO}_3)_2$ tinh khiết với HNO_3 0,5 mol/l - Tỉ trọng : 1,014 g/cm³ (20 °C) - Giá trị pH : 0,5 (H_2O, 20°C) - Nhiệt độ bảo quản ở +15°C đến +25°C.	1198120500 Merck - Đức	ml	100	10.000	1.000.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T

9	PP2300588894	ICP multi-element standard solution VI [Dung dịch chuẩn đa nguyên tố ICP VI]	ICP multi-element standard solution VI [Dung dịch chuẩn đa nguyên tố ICP VI]	- Chất chuẩn được chuẩn bị bằng cách hòa tan muối có độ tinh khiết cao - Nền (Matrix): 5%(v/v) HNO₃ - Thành phần: Ag 10 µg/mL; Li 10 µg/mL; Al 10 µg/mL; Mg 10 µg/mL; As 100 µg/mL; Mn 10 µg/mL; B 100 µg/mL; Mo 10 µg/mL; Ba 10 µg/mL; Na 10 µg/mL; Be 100 µg/mL; Ni 10 µg/mL; Bi 10 µg/mL; Pb 10 µg/mL; Ca 1,000 µg/mL; Rb 10 µg/mL; Cd 10 µg/mL; Se 100 µg/mL; Co 10 µg/mL; Sr 10 µg/mL; Cr 10 µg/mL; Te 10 µg/mL; Cu 10 µg/mL; Tl 10 µg/mL; Fe 100 µg/mL; U 10 µg/mL; Ga 10 µg/mL; V 10 µg/mL; K 10 µg/mL; Zn 100 µg/mL.	110580.L1 CPAchem - Bulgaria	ml	125	54.000	6.750.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T		
10	PP2300588900	Hydrazin sulfat	Hydrazin sulfat	- Công thức: N₂H₆SO₄ - Tỷ trọng: 1,37 g/cm³ (20 °C) - Giá trị pH: 1,3 (52 g/l, H₂O) - Độ hòa tan: 30 g/l - Độ tinh khiết ≥ 99,0% - Bảo quản : ≤ +30°C.	1198120500 Merck - Đức	Gam	100	16.000	1.600.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T		

11	PP2300588909	Ammonium iron(II) sulfate hexahydrate	Ammonium iron(II) sulfate hexahydrate	- Công thức: $(\text{NH}_4)_2\text{Fe}(\text{SO}_4)_2 \cdot 6\text{H}_2\text{O}$ - Khối lượng phân tử: 392,14 g/mol - Tỷ trọng: 1,86 g/cm³ (20 °C) - Giá trị pH: 3 - 5 (50 g/l, H₂O, 20 °C) - Độ hòa tan: 269 g/l - Độ tinh khiết: 99,0 - 101,5 % - Fe³⁺ ≤ 0,02 %; Cl ≤ 0.001 %; Cu ≤ 0.002 %; Mg ≤ 0.01 %; Mn ≤ 0.05 %; Pb ≤ 0.001 %; Zn ≤ 0.003 % - Bảo quản ở + 15°C đến + 25°C.	1198120500 Merck - Đức	Ga m	500	5.100	2.550.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T		
12	PP2300588910	Amoni axetat	Amoni axetat	- Công thức: CH₃COONH₄ - Khối lượng phân tử: 77,08 g/mol - Tỷ trọng: 1,17 g/cm³ (20 °C) - Giá trị pH: 6,7 - 7,3 (50 g/l, H₂O, 25 °C) - Độ hòa tan: 1480 g/l - Độ tinh khiết: ≥ 98,0 % - Cl ≤ 0,0005 %; NO₃ ≤ 0,001 %; SO₄ ≤ 0,001 %; Pb ≤ 0,0002 %; Fe ≤ 0,0002 %; Ca ≤ 0,001 % - Bảo quản ở + 15°C đến + 25°C.	1198120500 Merck - Đức	Ga m	500	2.700	1.350.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T		

13	PP2300588927	Natri oxalat	Natri oxalat	- Công thức: $\text{Na}_2\text{C}_2\text{O}_4$ - Tỷ trọng: 2,340 g/cm³ - Giá trị pH: 8 (30 g/l, H₂O, 20 °C) - Độ hòa tan: 37 g/l - Độ tinh khiết: $\geq 99,8 \%$ - Clorua (Cl) $\leq 0,002 \%$; SO₄ $\leq 0,002 \%$; Tổng nitơ (N) $\leq 0,001 \%$; Pb $\leq 0,001 \%$; Fe $\leq 0,0005 \%$; K $\leq 0,005 \%$ - Bảo quản ở +2°C đến +30°C.	1198120500 Merck - Đức	Gam	250	4.900	1.225.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T
14	PP2300588930	Sodium salicylate	Sodium salicylate	- Công thức: HO-C₆H₄-COONa (C₇H₅NaO₃) - Tỷ trọng: 0,32 g/cm³ (25°C) - Giá trị pH: 6,85 (H₂O, 26,3 °C) - Độ hòa tan: 1000 g/l - Độ tinh khiết: $\geq 99,5 \%$ - Clorua (Cl) $\leq 0,002 \%$; SO₄ $\leq 0,01 \%$; Pb $\leq 0,001 \%$; Fe $\leq 0,001 \%$ - Bảo quản ở +15°C đến +25°C.	1198120500 Merck - Đức	Gam	250	7.000	1.750.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T
15	PP2300588905	Acid acetic	Acid acetic	- Công thức hóa học CH₃COOH - Độ tinh khiết: 99,8 - 100,5 % - Giá trị pH: 2,5 (50 g/l, H₂O, 20 °C) - Tỷ trọng: 1,04 g/cm³ (25 °C)- Pb $\leq 0,0005 \%$; Al $\leq 0,00005 \%$; As $\leq 0,00010 \%$; Cu $\leq 0,0005 \%$; Fe $\leq 0,0005 \%$; Hg $\leq 0,00010 \%$; Zn $\leq 0,0005 \%$ - Bảo quản ở + 15°C đến + 25°C.	1198120500 Merck - Đức	ml	1.000	601	601.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT NGÔ GIA PHÁT

16	PP2300588908	Acid sulfuric đặc (95-97%)	Acid sulfuric đặc (95-97%)	- Nồng độ H₂SO₄ từ 95% - 97% - Công thức: H₂SO₄ - Giá trị pH: 0,3 (49 g/l, H₂O, 25 °C) - Tỷ trọng: 1,84 g/cm³ (20 °C) - Ag ≤ 0,010 ppm; Al ≤ 0,050 ppm; As ≤ 0,010 ppm; Cd ≤ 0,010 ppm; Cr ≤ 0,020 ppm; Cu ≤ 0,010 ppm; Fe ≤ 0,100 ppm; Zn ≤ 0,050 ppm - Bảo quản ở + 15°C đến + 25°C.	1100063 Supelco - Merck - Đức	ml	1.000	573	573.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT NGÔ GIA PHÁT
17	PP2300588915	Ống chuẩn Bạc Nitrate 0,1N	Ống chuẩn Bạc Nitrate 0,1N	- Nồng độ H₂SO₄ từ 95% - 97% - Công thức: H₂SO₄ - Giá trị pH: 0,3 (49 g/l, H₂O, 25 °C) - Tỷ trọng: 1,84 g/cm³ (20 °C) - Ag ≤ 0,010 ppm; Al ≤ 0,050 ppm; As ≤ 0,010 ppm; Cd ≤ 0,010 ppm; Cr ≤ 0,020 ppm; Cu ≤ 0,010 ppm; Fe ≤ 0,100 ppm; Zn ≤ 0,050 ppm - Bảo quản ở + 15°C đến + 25°C.	1100063 Supelco - Merck - Đức	Ống	1	2.075.220	2.075.220	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT NGÔ GIA PHÁT
18	PP2300588920	Kali cromat	Kali cromat	- Công thức: K₂CrO₄ - Tỷ trọng: 2,73 g/cm³ - Giá trị pH: 8,5 - 10,0 (50 g/l, H₂O, 20 °C) - Độ hòa tan: 637 g/l - Độ tinh khiết: ≥ 99,5 % - Clorua (Cl) ≤ 0,001 %; SO₄ ≤ 0,01 %; Ca ≤ 0,005 %; Na ≤ 0,02 %; Pb ≤ 0,005 % - Bảo quản ở +2°C đến +30°C.	1100063 Supelco - Merck - Đức	Gam	250	5.760	1.440.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT NGÔ

										GIA PHÁT		
19	PP2300588922	Kali permanganat 0,1N (ống chuẩn)	Kali permanganat 0,1N (ống chuẩn)	- Công thức: KMnO_4 - Ống chuẩn, trong đó đã chứa sẵn một lượng chính xác thuốc thử ở dạng rắn hoặc lỏng. Khi dùng ống chuẩn để pha chế dung dịch người ta chuyển toàn bộ thuốc thử trong ống chuẩn vào bình định mức 1 lít rồi thêm nước cho tới vạch ta được 1 lít dung dịch chuẩn có nồng độ ghi trên nhãn của ống chuẩn. - Tỷ trọng: 1,01 g/cm³ (20 °C) - Giá trị pH: 8 (H_2O, 20 °C) - Bảo quản ở +15°C đến +30°C.	1100063 Supelco - Merck - Đức	Ống	1	1.111.320	1.111.320	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT NGÔ GIA PHÁT		
20	PP2300588873	Chloride standard solution 1000mg/L Dung dịch chuẩn Clorua (Cl^-), nồng độ 1000mg/L	Chloride standard solution 1000mg/L Dung dịch chuẩn Clorua (Cl^-), nồng độ 1000mg/L	- Được điều chế từ NaCl tinh khiết với nước - Tỷ trọng: 0,998 g/cm³ (20 °C) - Nồng độ β (Cl^-): 990 - 1010 mg/L - Nhiệt độ bảo quản: ở + 15 ° C đến + 25 ° C.	1100063 Supelco - Merck - Đức	ml	1.000	2.160	2.160.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT NGÔ GIA		

										PHÁT		
21	PP2300588911	Amoni clorua	Amoni clorua	- Công thức: NH_4Cl - Khối lượng phân tử: 53,49 g/mol - Tỷ trọng: 1,53 g/cm³ (25°C) - Giá trị pH: 5 - 5,5 (H_2O, 25 °C) - Độ hòa tan: 372 g/l - Độ tinh khiết: $\geq 99,8\%$ - $\text{NO}_3 \leq 0,0005\%$; $\text{PO}_4 \leq 0,0002\%$; $\text{Cu} \leq 0,0002\%$; $\text{Fe} \leq 0,0002\%$; $\text{Mg} \leq 0,0005\%$; $\text{Pb} \leq 0,0001\%$; $\text{Zn} \leq 0,0002\%$ - Bảo quản ở + 15°C đến + 25°C.	1100063 Supelco - Merck - Đức	Ga m	500	1.792	896.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG NG MẠI VẬT TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT NGÔ GIA PHÁT		
22	PP2300588916	Eriochrome black T (ETOO)	Eriochrome black T (ETOO)	- Công thức: $\text{C}_{20}\text{H}_{12}\text{N}_3\text{NaO}_7\text{S}$ - Khối lượng phân tử: 461,38 g / mol - Giá trị pH: 3,7 (10 g / l, H_2O, 20 ° C) - Độ hòa tan: 50 g / l - Bảo quản ở +15°C đến +30°C.	103170 Supelco - Merck - Nhật Bản	Ga m	25	39.270	981.750	CÔNG TY TNHH THƯƠNG NG MẠI VẬT TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT NGÔ GIA PHÁT		

23	PP2300588921	Kali dicromat	Kali dicromat	- Công thức: $K_2Cr_2O_7$ - Tỷ trọng: 2,680 g/cm³ (20 °C) - Giá trị pH: 3,5 - 5,0 (29,4 g/l, H₂O, 25 °C) - Độ hòa tan: 115 g/l - Độ tinh khiết: ≥ 99,9 % - Clorua (Cl) ≤ 0,001 %; SO₄ ≤ 0,005 %; Ca ≤ 0,002 %; Cu ≤ 0,001 %; Fe ≤ 0,001 %; Na ≤ 0,02 %; Pb ≤ 0,005 % - Bảo quản ở +2°C đến +30°C.	1100063 Supelco - Merck - Đức	Gam	500	4.990	2.495.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT NGÔ GIA PHÁT		
24	PP2300588926	Natri clorua	Natri clorua	- Công thức: NaCl - Tỷ trọng: 2,17 g/cm³ (20°C) - Giá trị pH: 7 (H₂O) - Độ hòa tan: 358 g/l - Độ tinh khiết: ≥ 99,5 % - chất không tan ≤ 0,005 %; Br ≤ 0,005 %; Clorat và Nitrat (dưới dạng NO₃) ≤ 0,003 %; PO₄ ≤ 0,0005 %; SO₄ ≤ 0,001 %; Pb ≤ 0,0005 %; As ≤ 0,00004 %; Cu ≤ 0,0002 %; Fe ≤ 0,0001 %; Mg ≤ 0,001 % - Bảo quản ở +2°C đến +30°C.	106404 Supelco - Merck – Đan Mạch	Gam	500	840	420.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT NGÔ GIA PHÁT		
Tổng cộng: 24 danh mục									43.728.290			
Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn hai trăm chín mươi đồng chẵn./.												